

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25/01/2021

*“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Bạ.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Thắm, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 781/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020, về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà 1508/17/45/3A Lê Văn L, tổ 2 Ấp 2, xã Nhơn Đ, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình G, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 8, xã Hòa K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày có nội dung như sau:***

Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Nguyễn Đình G tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa K, thành phố B ngày 20/3/2012.

Quá trình sống chung thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh G không quan tâm, chăm sóc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2015 chị A và anh G ly thân, chị A trở về sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh còn anh G sống ở thôn 10, xã Hòa K, thành phố B, cùng bố mẹ anh G, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, không còn khả năng đoàn tụ nên chị A có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Đình G.

Về con chung: Chị A và anh G có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 31/10/2015. Từ khi cháu sinh ra thì chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Đến nay cháu N đã được 5 tuổi và chị A có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị A có nghề nghiệp là làm kế toán tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ- máy công nghiệp - Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh với thu nhập 12.000.000 đồng/tháng và nơi ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình G:** Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẩn tránh vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến của mình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy A xin ly hôn anh Nguyễn Đình G.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với anh Nguyễn Đình G.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 31/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Thúy A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Anh Nguyễn Đình G được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.*

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Nguyễn Đình G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Hòa K,

thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh G là phù hợp khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh G lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Hòa K, thành phố B ngày 20/3/2012, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh G không quan tâm, chăm sóc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2015, chị A và anh G ly thân từ năm 2015 đến nay, sau khi ly thân chị A trở về sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh còn anh G sống xã Hòa K, thành phố B, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị A nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Đình G.

Tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết chị A và anh G là vợ chồng, sống chung tại thôn 10, xã Hòa K, sau đó nhà anh G bán nhà chuyển về sinh sống tại thôn 8, xã Hòa K, thành phố B, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị A và anh G có mâu thuẫn nên chị A đã bỏ về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống chị A và anh G có mâu thuẫn trong cuộc sống nên giữa chị A và anh G đã sống ly thân. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh G vắng mặt không tham gia tố tụng, cố tình lẩn tránh, nên tình cảm vợ chồng và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng không hòa giải đoàn tụ được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh G đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay chị A đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị A có công việc và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung cần giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 31/10/2015 cho chị A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Anh G có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị A không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A xin ly hôn anh Nguyễn Đình G.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn anh Nguyễn Đình G.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 31/10/2015 cho chị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N đủ tuổi thành niên.

Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh Y T nộp thay chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0013035 ngày 15/10/2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã Hòa K, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

#### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Đình Thanh**

